

CTCP Thủy điện Miền Trung (HSX: CHP)

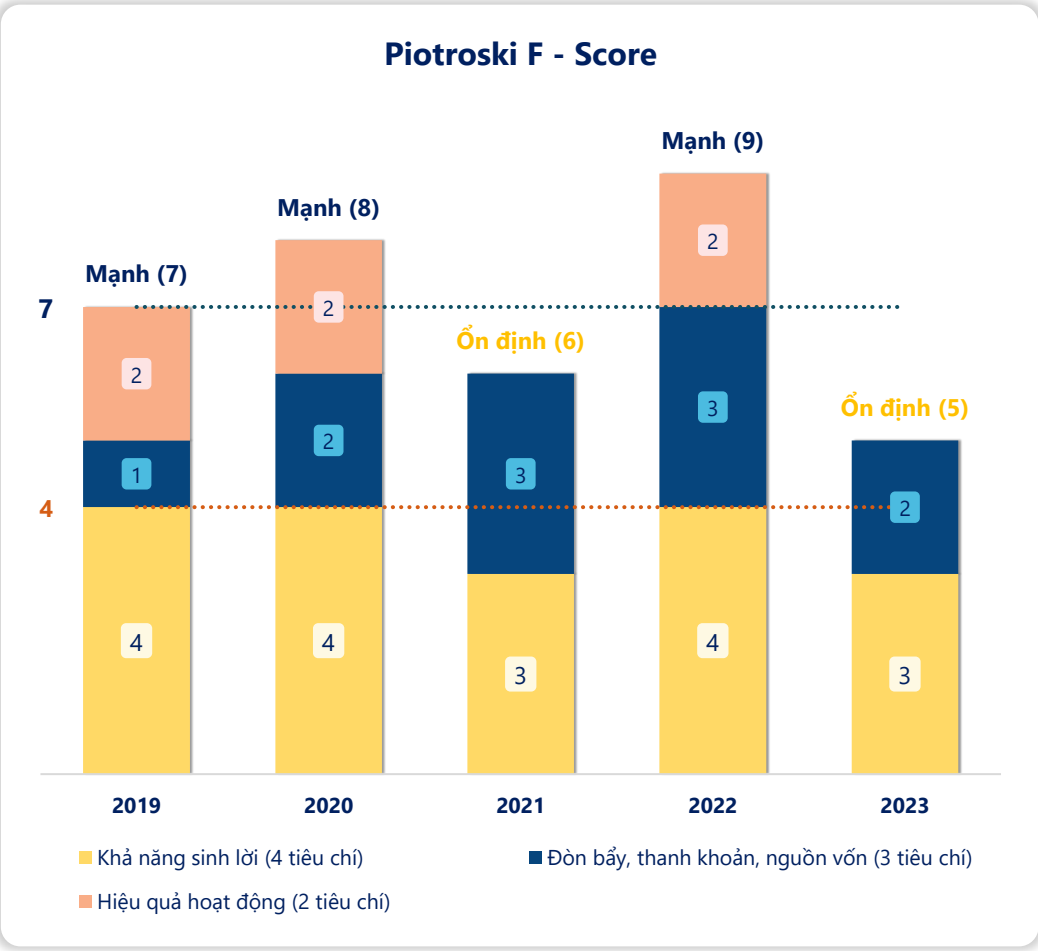
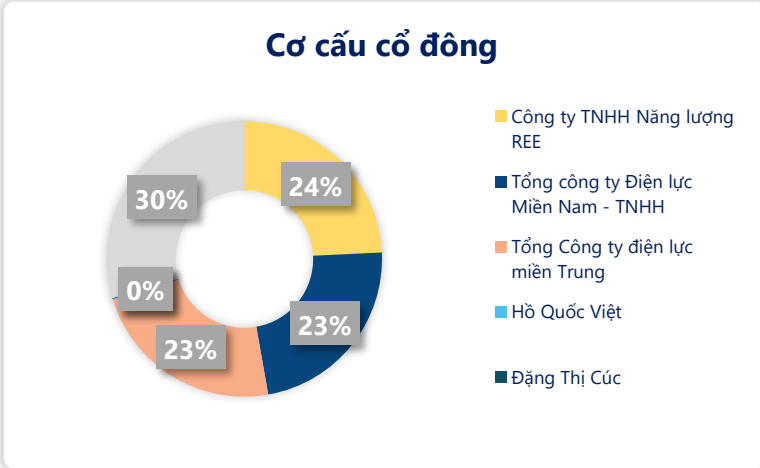
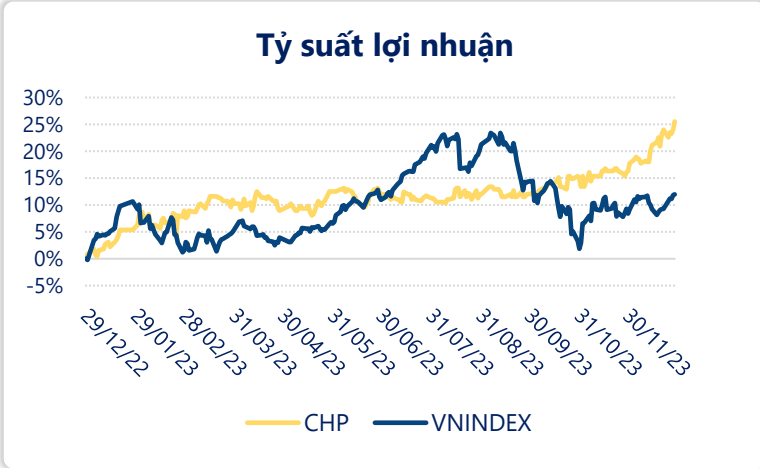
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	25,300 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.0%	11.9%	13.1%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
881	YoY
tỷ VNĐ	▼ 220
	▼ 19.9%

LN sau thuế	2023
337	YoY
tỷ VNĐ	▼ 173
	▼ 34.0%

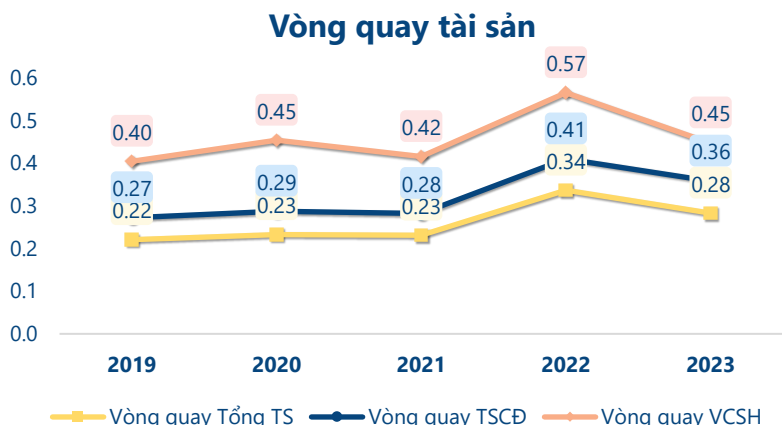
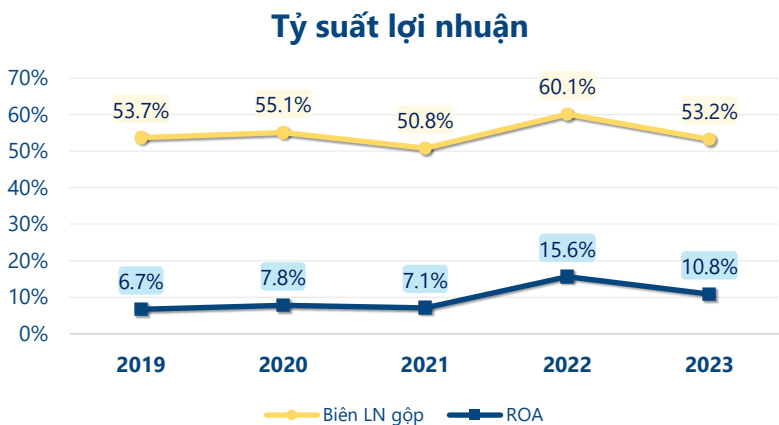
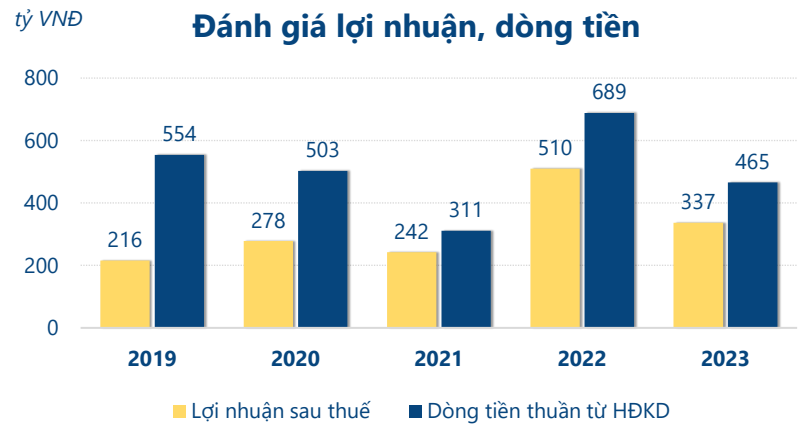


Năm **2023**, F-Score của **CHP** đạt **5/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

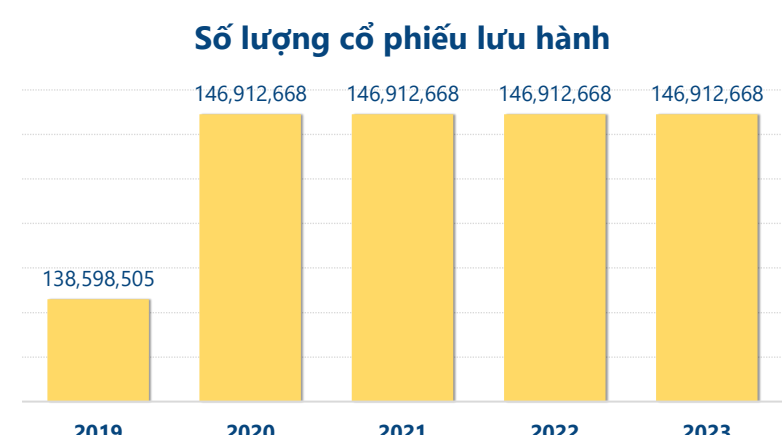
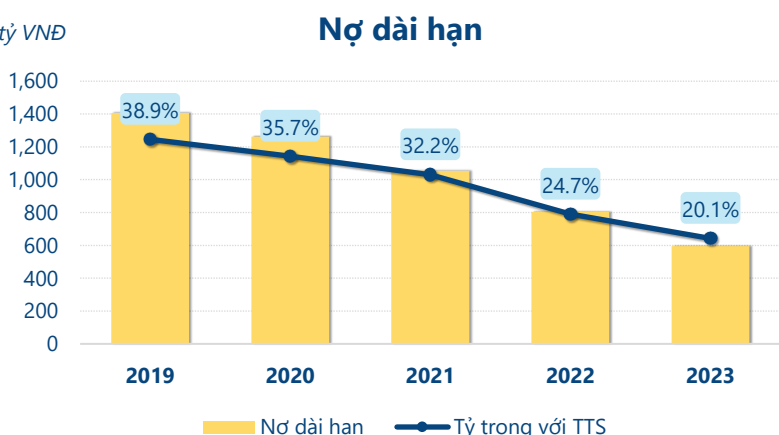
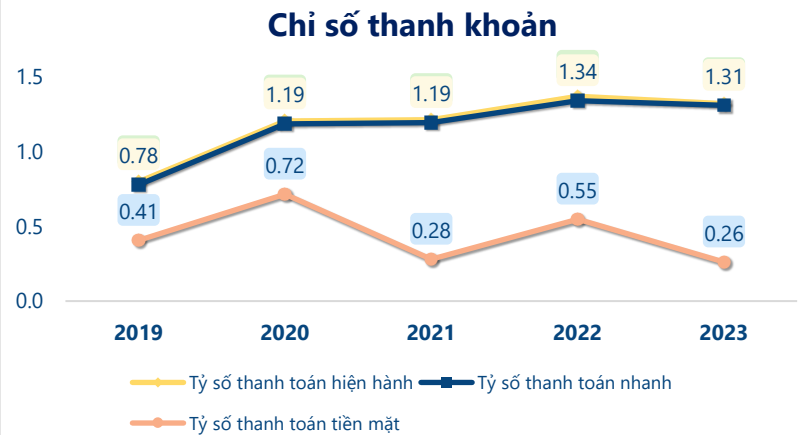
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Thủy điện Miền Trung (HSX: CHP)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **CHP**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	2,968	3,260	-9.0%
Tài sản ngắn hạn	573	628	-8.8%
Tiền và tương đương tiền	113	251	-54.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.0	20.0	50.0%
Phải thu ngắn hạn	424	343	23.9%
Hàng tồn kho	4.98	13.6	-63.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.67	0.81	-17.3%
Tài sản dài hạn	2,395	2,631	-9.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,348	2,571	-8.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.42	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	46.1	60.9	-24.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,028	1,263	-18.5%
Nợ ngắn hạn	433	458	-5.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	209	209	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.9	26.9	-7.6%
Nợ dài hạn	596	804	-26.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	596	804	-26.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,940	1,997	-2.9%
Vốn chủ sở hữu	1,940	1,997	-2.9%
Vốn điều lệ	1,469	1,469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	714	831	787	1,101	881
Giá vốn hàng bán	330	373	387	439	412
Lợi nhuận gộp	383	458	400	662	469
Doanh thu HĐTC	3.69	7.63	3.92	7.14	10.9
Chi phí TC	130	137	116	97.4	85.7
Chi phí lãi vay	128	137	116	97.4	85.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	32.3	37.4	33.7	44.1	39.3
LN thuần từ HĐKD	225	291	254	527	355
Lợi nhuận khác	1.84	-0.02	0.02	8.59	0.30
LN trước thuế	227	291	254	536	355
Lợi nhuận sau thuế	216	278	242	510	337
LNST của CĐ cty mẹ	216	278	242	510	337

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	554	503	311	689	465
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-830	-148	-4.51	-16.3	-3.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	454	-265	-485	-512	-600
Tiền đầu kỳ	0.92	179	270	91.0	251
Lưu chuyển tiền thuần	178	90.5	-179	160	-138
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.01	0.00	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	179	270	91.0	251	113